

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-5-2023.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Diễm C, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Lò R, xã Tân T, huyện Vĩnh Th, tỉnh Kiên G.

2. *Bị đơn:* Anh Dương Chí L, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Chông M, xã Minh Thuận, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lê Thị Diễm C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Diễm C và anh Dương Chí L (sau đây gọi tắt là *chị C, anh L*) tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G ngày

12/02/2019. Sau khi cưới vợ chồng chị C, anh L chung sống hạnh phúc được hơn 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị C, anh L bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi. Anh L không lo làm ăn mà thường tụ tập bạn bè uống rượu, khi say rượu về nhà là gây sự, dùng bạo lực đối với chị C. Hơn nữa, anh L có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác. Nhiều lần, chị C khuyên nhủ anh L nhưng anh không sửa đổi nên anh, chị sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn tình cảm nên chị C xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị C, anh L chưa có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Vợ chồng chị C, anh L không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Chí L được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu đơn khởi kiện, kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh L, do trong thời gian chung sống vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, anh L có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, bỏ mặc chị không quan tâm; vợ chồng không có con chung và nợ chung; tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Chí L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L không có phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị C. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Lê Thị Diễm C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Dương Chí L. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Xét nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị C, HĐXX nhận thấy:

Về hôn nhân: Chị C, anh L tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương năm 2018, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G ngày 12/02/2019, nên hôn nhân của chị C, anh L là hợp pháp. Chị C trình bày lý do xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cự cãi. Anh L không lo làm ăn mà tụ tập bạn bè uống rượu và khi say rượu về nhà gây sự, dùng bạo lực đối với chị C. Anh L có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, nên anh, chị ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Tình trạng hôn nhân của chị C, anh L cũng được chính quyền địa phương xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị C kiên quyết xin ly hôn với anh L, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C, anh L không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị C được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị C, anh L không có con chung.

Về tài sản chung: Chị C, anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Chị C xác định vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005807 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2001; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm C và anh Dương Chí L.
2. Về con chung: Không.
3. Về tài sản chung: Chị C, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Chị C, anh L không có nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Diễm C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005807 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng